

Số: 03 /CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel(+84).4. 3765 3338 Fax: (+84).4.3 765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 04/năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 4 Năm 2023
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VIỆNG THỪA ĐẠI

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý 4 năm 2023



**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0102314051
0102314051

ngày 6 tháng 7 năm 2007
ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Đinh Văn Thuận
Ông Văn Thảo Nguyên
Ông Lê Viết Quý
Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên đến ngày 07/4/2023
Thành viên từ ngày 07/04/2023
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền
Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý
Ông Nguyễn Văn Biên
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		389.282.044.442	405.470.964.263
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		209.648.112.355	10.650.553.386
Tiền	111		10.848.112.355	10.650.553.386
Các khoản tương đương tiền	112		198.800.000.000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.100.000.000	305.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		89.100.000.000	305.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.769.441.876	28.068.303.850
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		30.277.728.093	22.952.182.759
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		360.451.991	490.237.845
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.131.261.792	4.625.883.246
Hàng tồn kho	140		55.866.140.202	59.319.752.243
Hàng tồn kho	141		65.657.929.305	69.370.939.671
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.791.789.103)	(10.051.187.428)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.898.350.009	1.632.354.784
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.852.822.827	1.164.651.987
Thuế phải thu Nhà nước	153		45.527.182	467.702.797
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		80.407.353.187	89.159.376.708
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		76.572.711.795	84.141.360.722
Tài sản cố định hữu hình	221		76.572.711.795	84.007.190.699
Nguyên giá	222		711.902.235.793	704.817.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(635.329.523.998)	(620.810.456.094)
Tài sản cố định vô hình	227			134.170.023
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.411.941.589)	(1.277.771.566)
Tài sản dở dang dài hạn	240			
Xây dựng cơ bản dở dang	242			
Đầu tư tài chính dài hạn	250			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
Tài sản dài hạn khác	260		3.824.641.392	5.008.015.986
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.819.907.921	2.952.504.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.004.733.471	2.055.511.303

406
 CÔNG TY
 HÀ NỘI
 M-TT

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		469.689.397.629	494.630.340.971
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		170.515.008.743	199.642.889.987
Nợ ngắn hạn	310		170.283.130.493	199.416.520.903
Phải trả người bán ngắn hạn	311		18.756.918.135	10.109.752.752
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		115.804.800	434.282.750
Thuế phải nộp Nhà nước	313		64.747.348.845	64.680.135.100
Phải trả người lao động	314		8.208.275.962	4.266.171.362
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.996.020.679	1.813.182.388
Phải trả ngắn hạn khác	319		24.775.210.224	5.812.545.995
Vay ngắn hạn	320		47.600.000.000	107.991.732.877
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.083.551.848	4.308.717.679
Nợ dài hạn	330		231.878.250	226.369.084
Dự phòng phải trả dài hạn	342		231.878.250	226.369.084
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		299.174.388.886	294.987.450.984
Vốn chủ sở hữu	410		299.174.388.886	294.987.450.984
Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.048.131.776	74.861.193.874
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		57.570.590.582	39.680.066.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.477.541.194	35.181.127.056
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		469.689.397.629	494.630.340.971

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Ngọc

Ngày 15 tháng 01 năm 2024



Giám đốc

Lê Việt Quý



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Quý 4	Năm trước	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		151.009.153.554	155.405.001.839	610.491.233.173	628.594.634.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		477.299.090		1.434.704.089	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		150.531.854.464	155.405.001.839	609.056.529.084	628.594.634.114
4. Giá vốn hàng bán	11		137.755.066.690	145.127.248.035	547.328.167.009	551.631.824.151
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.776.787.774	10.277.753.804	61.728.362.075	76.962.809.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.153.960.284	4.495.470.264	20.188.298.072	11.365.886.090
7. Chi phí tài chính	22		322.495.263	1.294.963.124	3.857.317.308	1.636.865.667
8. Chi phí bán hàng	25		738.902.668	575.703.049	2.613.198.794	3.488.026.230
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.559.884.308	3.705.366.837	18.284.578.346	16.305.531.269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.309.465.819	9.197.191.058	57.161.565.699	66.898.272.887
11. Thu nhập khác	31		11.971.860	4.999.342.946	385.451.324	5.546.628.617
12. Chi phí khác	32		1.404.183	586.198.600	491.986.457	611.701.593
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.567.677	4.413.144.346	(106.535.133)	4.934.927.024
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.320.033.496	13.610.335.404	57.055.030.566	71.833.199.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.126.020.581	2.967.415.174	13.516.711.540	14.118.171.038
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(23.887.492)	(57.249.132)	50.777.832	129.573.394
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.217.900.407	10.700.169.362	43.487.541.194	57.585.455.479

Kế toán trưởng

Handwritten signature

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Thanh Ngọc

Ngày 15 tháng 01 năm 2024



GIAM ĐỐC

Lê Việt Quy

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	57.055.030.566	71.833.199.911
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.653.237.927	15,251,928.448
Các khoản dự phòng	03	(253.889.159)	(647.866.966)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(20.133.563.598)	(11.267.606.827)
Chi phí lãi vay	06	3.817.193.951	1.591.972.720
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	55.138.009.687	76.761.627.286
Biến động các khoản phải thu	09	(6.518.130.220)	(8.728.963.864)
Biến động hàng tồn kho	10	3.713.010.366	(12.291.059.916)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	9.791.586.074	(7.795.257.956)
Biến động chi phí trả trước	12	444.425.922	982.770.486
		62.568.901.829	48.929.116.036
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.908.420.793)	(1.456.927.796)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.302.556.597)	(14.340.611.526)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.769.414.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.357.924.439	29.362.162.693
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(7.304.089.000)	(225.000.000)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(379.900.000.000)	(522.300.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	596.600.000.000	248.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	22.592.231.407	7.322.791.758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	231.988.142.407	(266.902.208.242)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay	33	648.361.731.834	474.088.126.924
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(708.753.464.711)	(366.096.394.047)
Tiền chi trả cổ tức	36	(17.956.775.000)	(53.918.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.348.507.877)	54.072.957.877
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	198.997.558.969	(183.467.087.672)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	10.650.553.386	194.117.641.058
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	209.648.112.355	10.650.553.386

Kế toán trưởng


Bùi Thị Thanh Ngọc

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Giám đốc

Lê Viết Quý

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

11
C
A
B
12/11

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	236.206.392	71.546.053
Tiền gửi ngân hàng	10.611.905.963	10.579.007.333
Các khoản tương đương tiền	198.800.000.000	-
	209.648.112.355	10.650.553.386

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.154.831.787	22.630.382.287
Công ty TNHH một thành viên thương mại Bia Sài Gòn	-	321.800.472
Các khách hàng khác	122.896.306	
	30.277.728.093	22.952.182.759

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.154.831.787	22.630.382.287
Công ty TNHH một thành viên thương mại Bia Sài Gòn	-	321.800.472
	30.154.831.787	22.952.182.759

Khoản phải thu thương mại không có đảm bảo, không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	17.472.607.382		25.721.406.735	
Công cụ và dụng cụ	14.004.670.042	(9.791.789.103)	17.415.678.254	(10.051.187.428)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.718.558.459		18.595.513.166	
Thành phẩm	17.441.204.630		7.631.912.420	
Hàng hóa	1.185.485		6.429.096	
Hàng gửi đi bán	-		-	
Hàng đi đường	19.703.307			
	65.657.929.305	(9.791.789.103)	69.370.939.671	(10.051.187.428)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	12 tháng 2023 VND
Số dư đầu kỳ	10.051.187.428
Dự phòng trích lập trong năm	(259.398.325)
Số dư cuối kỳ	9.791.789.103

31
JG
PH
AI
N
M

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	633.323.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.817.646.793
Tăng trong kỳ	-	7.052.589.000	-	32.000.000	7.084.589.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	640.375.958.475	7.907.289.410	5.491.949.684	711.902.235.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.281.959.825	579.186.025.448	6.488.799.739	4.853.671.082	620.810.456.094
Khấu hao trong kỳ	2.539.047.900	11.138.496.709	467.305.824	374.217.471	14.519.067.904
Số dư cuối kỳ	32.821.007.725	590.324.522.157	6.956.105.563	5.227.888.553	635.329.523.998
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	27.845.078.399	54.137.344.027	1.418.489.671	606.278.602	84.007.190.699
Số dư cuối kỳ	25.306.030.499	50.051.436.318	951.183.847	264.061.131	76.572.711.795

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 536.002 triệu VND (1/1/2023: 531.163 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.411.941.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	
Số dư cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.277.771.566
Khấu hao trong kỳ	134.170.023
Số dư cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	134.170.023
Số dư cuối kỳ	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 1.411 triệu VND (1/1/2023: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	2.952.504.683	2.952.504.683
Tăng trong kỳ	2.806.300.000	51.552.000	2.857.852.000
Phân bổ trong kỳ	(2.806.300.000)	(1.184.148.762)	(3.990.448.762)
Số dư cuối kỳ	-	1.819.907.921	1.819.907.921

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	1.139.980.063	1.269.779.659
Công Ty TNHH SX-TM Phước Thành IV	1.430.910.000	793.800.000
Chi nhánh TCT TM Hà Nội – Công ty CP tại tỉnh Đồng Tháp	1.069.250.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	515.520.821	819.642.305
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.565.850.500	3.894.605.523
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.271.719.288	28.194.276
Công ty TNHH cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	1.953.780.662	-
Các nhà cung cấp khác	2.809.906.801	3.303.730.989
	18.756.918.135	10.109.752.752

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.565.850.500	3.894.605.523
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	66.960.000	30.132.000
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	174.788.800	-
Công ty TNHH một thành viên TM bia Sài Gòn	1.271.719.288	28.194.276

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Thuế phải nộp Nhà nước.

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.484.316.049	620.073.916.023	(621.357.217.805)			55.201.014.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.482.655.572	13.516.711.540	(13.302.556.597)			2.696.810.515
Thuế giá trị gia tăng	5.713.163.479	121.968.905.260	(120.832.544.676)	(46.043.789.455)		6.849.524.063
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.073.995.051	(651.819.436)		467.702.797	(45.527.182)
Thuế xuất nhập khẩu	-	75.956.031	(75.956.031)			
Các khoản phải nộp khác		134.005.041	(134.005.041)			
	64.680.135.100	756.843.488.946	(755.934.177.442)	(33.956.521.802)	467.702.797	64.747.348.845

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12 /2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.164.900.000	5.346.000.000
Cổ tức	18.124.450.000	
Phải trả ngắn hạn khác	485.860.224	466.545.995
	24.775.210.224	5.812.545.995

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	107.991.732.877	648.361.731.834	708.753.464.711	47.600.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	VND	6,0%		17.854.174.702
	VND	7,0%		40.403.275.361
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng (b)	VND	6,22%		9.100.000.000
	VND	7,0%		40.634.282.814
Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	2,8%	47.600.000.000	
			47.600.000.000	107.991.732.877

- (a) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không có đảm bảo.
 (b) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo.
 (c) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và không có đảm bảo.

31A
TƯ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.308.717.679	3.851.815.941
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 14)	4.010.000.000	4.307.901.738
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	(808.770.623)	(81.585.979)
Sử dụng trong kỳ	(3.426.395.208)	3.769.414.021
Tăng khác	-	-
Số dư cuối kỳ	4.083.551.848	4.308.717.679

10
S
C
S
I
L

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	57.585.455.479	57.585.455.479
Cổ tức	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	(4.307.901.738)	(4.307.901.738)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	81.585.979	81.585.979
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(96.426.685)	(96.426.685)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984
Lợi nhuận thuần trong kỳ				43.487.541.194	43.487.541.194
Cổ tức				(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)				(4.010.000.000)	(4.010.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)				808.770.623	808.770.623
Trích quỹ công tác xã hội				(99.373.915)	(99.373.915)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	79.048.131.776	299.174.388.886

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.865.529.770	4.024.621.964
Từ hai đến năm năm	19.462.119.080	16.098.487.856
Sau năm năm	136.640.294.374	117.049.422.120
	160.967.943.224	137.172.531.940

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100,47	2.423.646	100,11	2.413.428
EUR	73,72	1.970.343	94,8	2.533.766
		4.393.989		4.947.194

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	602.559.021.439	624.261.293.205
▪ Doanh thu khác	7.932.211.734	4.333.340.909
	<hr/>	<hr/>
	610.491.233.173	628.594.634.114
	<hr/>	<hr/>
Trừ doanh thu được khấu trừ:		
Chiết khấu thương mại	(1.434.704.089)	-
	<hr/>	<hr/>
	609.056.529.084	628.594.634.114
	<hr/>	<hr/>

18. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	543.782.372.388	553.635.080.085
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(259.398.325)	(654.970.053)
▪ Điều chỉnh chi phí nhân viên năm trước		(1.797.413.630)
▪ Giá vốn khác	3.805.192.946	449.127.749
	<hr/>	<hr/>
	547.328.167.009	551.631.824.151
	<hr/>	<hr/>

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.133.563.598	11.267.606.827
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.734.474	98.279.263
	<hr/>	<hr/>
	20.188.298.072	11.365.886.090
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.065.523	2.044.824.683
Chi phí nhân viên	729.812.098	471.835.476
Chi phí công cụ, dụng cụ	456.680.602	731.176.258
Chi phí bán hàng khác	202.640.571	240.189.813
	<u>2.613.198.794</u>	<u>3.488.026.230</u>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí nhân viên	10.495.417.037	9.158.206.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.609.030.073	4.071.739.502
Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ	1.000.405.775	746.848.892
Chi phí khấu hao TSCĐ	317.522.402	315.744.624
Chi phí quản lý khác	1.862.203.059	2.012.992.156
	<u>18.284.578.346</u>	<u>16.305.531.269</u>

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	480.624.597.986	500.352.252.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.653.237.927	15.251.928.448
Chi phí nhân viên	42.245.067.276	36.112.523.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.185.637.145	16.266.371.442
Chi phí khác	9.517.404.015	3.442.306.118

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2023 VNĐ	31/12/2022 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.856.893.340	14.082.655.572
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	659.818.200	35.515.466
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	50.777.832	129.573.394
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.567.489.372	14.247.744.432

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế theo điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
Saigon – Hanoi Beer Corporation

Số: 02/2024-BSGHN
(Giải trình BCTC quý 4 năm 2023/
Explanation of financial statements Q4/2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thành phố Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2024
Hanoi, January 18, 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

To: - State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange

Tên tổ chức/ Name of Organization : Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội/ Saigon – Hanoi Beer Corporation

Mã chứng khoán/ Stock code: BSH

Địa chỉ/ Address: A2 CN8 cụm CN Từ Liêm – Phường Phương Canh – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội/ A2CN8 - Tu Liem industrial cluster – Phuong Canh ward – Nam Tu Liem district – Hanoi

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính về việc công bố thông tin, Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội giải trình báo cáo tài chính quý 4 năm 2023 cụ thể như sau:

Pursuant to Circular 96/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance on information disclosure, Saigon - Hanoi Beer Corporation explains its financial statements for the 4th quarter of 2023 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Business performance report:

KHOẢN MỤC/ ITEM	Quý 4/ QUARTER 4		Tăng/Increase Giảm/Decrease	Tỷ lệ/ Percent
	Quý 4/ 2023	2022		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ/Sales and Service Revenue	151.009.153.554	155.405.001.839	(4.395.848.285)	-2,83%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions from revenue	477.299.090		477.299.090	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue from sales of goods and service provision	150.531.854.464	155.405.001.839	(4.873.147.375)	-3,14%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold	137.755.066.690	145.127.248.035	(7.372.181.345)	-5,08%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross profit on sales and service provision	12.776.787.774	10.277.753.804	2.499.033.970	24,31%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	4.153.960.284	4.495.470.264	(341.509.980)	-7,6%
7. Chi phí tài chính/ Financial expenses	322.495.263	1.294.963.124	(972.467.861)	-75,1%



8. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	738.902.668	575.703.049	163.199.619	28,35%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>Enterprise Cost Management</i>	4.559.884.308	3.705.366.837	854.517.471	23,06%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net profit from operating activities</i>	11.309.465.819	9.197.191.058	2.112.274.761	22,97%
11. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	11.971.860	4.999.342.946	(4.987.371.086)	-99,76%
12. Chi phí khác/ <i>Other costs</i>	1.404.183	586.198.600	(584.794.417)	-99,76%
13. Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	10.567.677	4.413.144.346	(4.402.576.669)	-99,76%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total accounting profit before tax</i>	11.320.033.496	13.610.335.404	(2.290.301.908)	-16,83%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	4.126.020.581	2.967.415.174	1.158.605.407	39,04%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Deferred corporate income tax expense</i>	(23.887.492)	(57.249.132)	33.361.640	-58,27%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Profit after corporate income tax</i>	7.217.900.407	10.700.169.362	(3.482.268.955)	-32,54%

Giải trình/Explanation:

Kết quả kinh doanh quý 4 giảm so với cùng kỳ năm trước do Doanh thu và Thu nhập khác giảm do sản lượng giảm trong khi chi phí quản lý từ chi phí sửa chữa tăng/Business results in the 4th quarter decreased compared to the same period last year due to decrease in Revenue and Other income from lower volume while increase in Administration expenses from repairs expense.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2023 của Công ty./ The above is the explanation of Saigon - Hanoi Beer Corporation reporting to the State Securities Commission and the Hanoi Stock Exchange on the change in the indicators on the financial statements for the 4th quarter 2023 of the Company.

Trân trọng ./.

Regard./.

